TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:145/2024/DS-ST
Ngày: 17/6/2024
V/v: *Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đoan Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Mỹ Oanh.

2. Bà Nguyễn Thị Trúc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 *tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐST- DS ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K; địa chỉ: Số F đường P, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Lê Anh P; địa chỉ: Tầng L, Sài Gòn P, I đường N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M; sinh năm 1982 địa chỉ: C đường P, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 04/11/2022, bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại cổ phần T trình bày:*

Ngân hàng TMCP K (sau đây gọi tắt là T1) xin giữ nguyên các ý kiến đã trình bày ở phiên hòa giải trước. T1 có cho ông Nguyễn Văn M vay, theo Đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số PDP202076500773/HDTD ngày 07/9/2020. Chi tiết: Thời hạn cho vay là 96 tháng (từ ngày 08/9/2020 đến ngày 08/9/2028). Mục đích cho vay: Cho vay mua ô tô; Phương thức giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số PDP202076500773/HDTD tại Ngân hàng TMCP K. Lãi suất: trong hạn thời gian 24 tháng kể từ ngày nhận nợ là 8,95%/ năm; Lãi suất quá hạn: 150%/ năm; Lãi suất trả chậm: 10%/ năm.

Để đảm bảo khoản vay trên, ông Nguyễn Văn M có thế chấp tài sản của mình để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ là xe ô tô nhãn hiệu Vinfast (loại Lux A2.0), số khung RPXAB1RSFKV004179, số máy 193220078VF20SED, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 599622, biển số 51H-384.40.

Ngày 04/9/2020, ông M đăng ký sử dụng thẻ tín dụng theo Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân (không có tài sản đảm bảo) số Hợp đồng TTD:TTD-01. Dư nợ thẻ tạm tính đến ngày 15/3/2024 là 341.106.621 đồng.

Do ông M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận cho T1, ngày 10/12/2021, T1 đã có thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn đối với ông M do không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của từng kì thanh toán theo cam kết trong Đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số PDP202076500773/HDTD.

Tính từ ngày 15/3/2024 tổng dư nợ của ông M tại T1 là 989.443.879 đồng (trong đó nợ gốc là 736.991.778 đồng, nợ lãi là 252.452.101 đồng). Dư nợ thẻ tính dụng tạm tính đến ngày 15/3/2024 là 341.106.621 đồng.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của T1, Ngân hàng đã khởi kiện ông M tại Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu giải quyết:

1.Buộc ông Nguyễn Văn M thanh toán cho T1 số tiền tạm tính đến ngày 02/4/2024 theo Đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số PDP202076500773/HDTD ngày 07/9/2020 số tiền nợ là 1.018.255.900 đồng (trong đó nợ gốc là 736.991.778 đồng, nợ lãi là 270.208.134 đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn M tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh (lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả) trên dư nợ còn lại kể từ ngày 03/4/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số PDP202076500773/HDTD ngày 07/9/2020.

Trong trường hợp, ông Nguyễn Văn M không thực hiện hoặc thực hiện không đủ, không đúng nghĩa vụ thanh toán thì T1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho T1. Tài sản bảo đảm là: Xe ô tô nhãn hiệu Vinfast (loại Lux A2.0), số khung RPXAB1RSFKV004179, số máy 193220078VF20SED, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 599622, biển số 51H-348.40.(Theo hợp đồng thế chấp số PDP202076500773/HDTD ngày 07/9/2020, Giao dịch được đăng ký tại Cục đăng ký Quốc gia giao dịch bảo đảm vào ngày 08/9/2020)

2.Buộc ông Nguyễn Văn M thanh toán cho T1 dư nợ thẻ tính đến ngày 02/4/2024 là 364.782.885 đồng và phần nợ lãi phát sinh trên dư nợ còn lại kể từ ngày 03/4/2024 cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận tại Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân (không có tài sản bảo đảm) số Hợp đồng TTD: TTD-01 ngày 04/9/2020.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với T1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho T1.

* *Đối với bị đơn – ông Nguyễn Văn M:* Trong quá trình giải quyết vụ án đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện và cũng không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.Buộc ông Nguyễn Văn M thanh toán cho T1 số tiền tạm tính đến ngày 17/6/2024 theo Đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số PDP202076500773/HDTD ngày 07/9/2020 số tiền nợ là 1.018.255.900 đồng (trong đó nợ gốc là 736.991.778 đồng, nợ lãi là 281.264.122 đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn M tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh (lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả) trên dư nợ còn lại kể từ ngày 03/4/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số PDP202076500773/HDTD ngày 07/9/2020.

Trong trường hợp, ông Nguyễn Văn M không thực hiện hoặc thực hiện không đủ, không đúng nghĩa vụ thanh toán thì T1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để

thu hồi nợ cho T1. Tài sản bảo đảm là: Xe ô tô nhãn hiệu Vinfast (loại Lux A2.0), số khung RPXAB1RSFKV004179, số máy 193220078VF20SED, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 599622, biển số 51H-348.40.(Theo hợp đồng thế chấp số PDP202076500773/HDTD ngày 07/9/2020, Giao dịch được đăng ký tại Cục Đ vào ngày 08/9/2020).

2. Buộc ông Nguyễn Văn M thanh toán cho T1 dư nợ thẻ tính đến ngày 17/6/2024 là 419.479.643 đồng và phần nợ lãi phát sinh trên dư nợ còn lại kể từ ngày 18/6/2024 cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận tại Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân (không có tài sản bảo đảm) số Hợp đồng TTD: TTD-01 ngày 04/9/2020.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với T1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho T1.

- Bị đơn đã được Tòa án nhân dân Quận 11 triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt, không có lý do.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên Thẩm phán chưa đảm bảo thời hạn tống đạt thông báo thụ lý và thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Tòa án nhân dân Quận 11 chấp nhận yêu cầu của T1 đối với ông Nguyễn Văn M phải thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 17/6/2024 là 1.018.255.900 đồng (trong đó nợ gốc là 736.991.778 đồng, nợ lãi là 281.264.122 đồng), tiếp tục chịu phát sinh kể từ ngày 18/6/2024 cho đến trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Buộc ông Nguyễn Văn M thanh toán cho T1 dư nợ thẻ tính đến ngày 17/6/2024 là 419.479.643 đồng và phần nợ lãi phát sinh trên dư nợ còn lại kể từ ngày 18/6/2024 cho đến khi thanh toán xong.

Trong trường hợp, ông Nguyễn Văn M không thực hiện hoặc thực hiện không đủ, không đúng nghĩa vụ thanh toán thì T1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho T1. Tài sản bảo đảm là: Xe ô tô nhãn hiệu Vinfast (loại Lux A2.0), số khung RPXAB1RSFKV004179, số máy 193220078VF20SED, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 599622, biển số 51H-348.40.(Theo hợp đồng thế chấp

số PDP202076500773/HDTD ngày 07/9/2020, Giao dịch được đăng ký tại Cục đăng ký Quốc gia giao dịch bảo đảm vào ngày 08/9/2020);

Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần K khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với ông Nguyễn Văn M.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ C đường P, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả cung cấp chứng cứ của Công an P1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh *"Nguyễn Văn M có hộ khẩu thường trú tại C đường P, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực tế không còn cư ngụ từ năm 2018 đến nay, hiện công an phường không rõ nơi cư trú hiện nay"*.

Như vậy, tại thời điểm thụ lý vụ án, ông M không cư trú tại địa chỉ C đường P, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án không xác định được địa chỉ nơi ông M đang thực tế cư trú. Ông M đi khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo cho T1 biết là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện được quy định tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/7/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao và tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó Tòa án xác định địa chỉ số C đường P, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn M đã được thông báo về thời gian và địa điểm xét xử vụ án nêu trên nhưng đều vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng ông M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

+ Đối với nợ gốc: Căn cứ Đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số PDP202076500773/HDTD thì giao dịch giữa ngân hàng với ông Nguyễn Văn M được xác định là giao dịch vay tài sản. Giao dịch giữa đôi bên được xác lập trên cơ sở B, tự nguyện nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của đôi bên đối với nhau. Quá trình thực hiện hợp

đồng ông M vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng do đó Ngân hàng có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết xử lý nợ buộc bị đơn trả lại khoản nợ vay theo như quy đinh tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 736.991.778 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

+ Đối với lãi: Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật''* và căn cứ vào Điểm c Khoản 4 Điều 13 và Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng thì: *"Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn*". Do đó, với yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn M phải thanh toán số tiền nợ lãi là 281.264.122 đồng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Đối với nợ thẻ: Căn cứ Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân (không có tài sản bảo đảm) số Hợp đồng TTD: TTD-01 ngày 04/9/2020 thì giữa ngân hàng với ông Nguyễn Văn M được xác định là giao dịch vay tài sản. Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn M thanh toán cho T1 dư nợ thẻ tính đến ngày 17/6/2024 là 419.479.643 đồng và phần nợ lãi phát sinh trên dư nợ còn lại kể từ ngày 18/6/2024 cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Đối với yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm: Xe ô tô nhãn hiệu Vinfast (loại Lux A2.0), số khung RPXAB1RSFKV004179, số máy 193220078VF20SED, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 599622, biển số 51H-348.40.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp số PDP202076500773/HDTD ngày 07/9/2020, Giao dịch được đăng ký tại Cục Đ vào ngày 08/9/2020 là theo đúng quy định về thế chấp tài sản tại Điều 317, 318 của Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị định 83/2010/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 23/7/2010 quy định về giao dịch bảo đảm. Vì vậy, đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên buộc phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Vinfast (loại Lux A2.0), số khung RPXAB1RSFKV004179, số máy 193220078VF20SED, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 599622, biển số 51H-348.40 để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không trả nợ là có cơ sở và đúng quy định pháp luật cần chấp nhận.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 là có cơ sở và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Văn M thanh toán cho T1 số tiền tạm tính đến ngày 17/6/2024 theo Đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số PDP202076500773/HDTD ngày 07/9/2020 số tiền nợ là 1.018.255.900 (một tỷ mười tám triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm) đồng (trong đó nợ gốc là 736.991.778 đồng, nợ lãi là 281.264.122 đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn M tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh (lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả) trên dư nợ còn lại kể từ ngày 18/6/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số PDP202076500773/HDTD ngày 07/9/2020.

2. Buộc ông Nguyễn Văn M thanh toán cho T1 dư nợ thẻ tính đến ngày 17/6/2024 là 419.479.643 (bốn trăm mười chín triệu bốn tram bảy mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi ba) đồng và phần nợ lãi phát sinh trên dư nợ còn lại kể

từ ngày 18/6/2024 cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận tại Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân (không có tài sản bảo đảm) số Hợp đồng TTD: TTD-01 ngày 04/9/2020.

3. Trong trường hợp, ông Nguyễn Văn M không thực hiện hoặc thực hiện không đủ, không đúng nghĩa vụ thanh toán thì T1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho T1. Tài sản bảo đảm là: Xe ô tô nhãn hiệu Vinfast (loại Lux A2.0), số khung RPXAB1RSFKV004179, số máy 193220078VF20SED, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 599622, biển số 51H-348.40.(Theo hợp đồng thế chấp số PDP202076500773/HDTD ngày 07/9/2020, Giao dịch được đăng ký tại Cục Đ vào ngày 08/9/2020).

Số tiền phát mãi tài sản sau khi đã trừ các chi phí liên quan đến việc phát mãi sẽ được thanh toán và chi trả theo quy định của pháp luật. Nếu sau khi trả hết nợ cho Ngân hàng mà số tiền phát mãi đối với tài sản thế chấp còn dư thì sẽ được trả lại cho chủ sở hữu của tài sản thế chấp. Nếu số tiền phát mãi tài sản không đủ để trả nợ ông Nguyễn Văn M phải tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền nợ còn lại.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn M thanh toán xong số nợ cho Ngân hàng mà không phải phát mãi tài sản đã thế chấp để trả nợ thì T1 có nghĩa vụ thực hiện xóa thế chấp và trả lại tài sản bảo đảm cho ông Nguyễn Văn M.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.547.667 (Bốn mươi hai triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng và 20.779.186 (hai mươi triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn một trăm tám mươi sáu) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.274.556 (hai mươi triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi sáu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0021896 ngày 19/12/2023 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.546.178 (sáu triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi tám) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0021895 ngày 19/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Đoan Tiên